



NGHIÊN CỨU VỤ VIỆN CHỐNG TRỢ CẤP DS 486 TRONG KHUÔN KHỔ WTO VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Đặng Thị Minh Ngọc¹

Tóm tắt: Việt Nam đã xây dựng và từng bước hoàn thiện các quy định về chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam dựa trên các tiêu chuẩn và quy định của WTO. Tuy nhiên, cho đến nay, chúng ta vẫn chưa tiến hành bất kỳ một cuộc điều tra chống trợ cấp nào. Một trong những việc mà Việt Nam cần làm trong bối cảnh hiện nay là nghiên cứu các vụ kiện chống trợ cấp trong khuôn khổ WTO để rút ra những kinh nghiệm trong việc xử lý các vụ kiện chống trợ cấp. Bài viết trình bày về vụ kiện chống trợ cấp DS 486 (Liên minh Châu Âu – Các biện pháp đối kháng áp đặt đối với một số loại terephthalate polyetylen từ Pakistan) và rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam liên quan tới quá trình điều tra chống trợ cấp tại quốc gia thành viên như xem xét “thoải thu vượt mức” khi xác định một chương trình hoàn thuế có là trợ cấp hay không; xem xét nguyên nhân “xác thật và đáng kể” khi phân tích mối quan hệ nhân quả giữa nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước; và minh bạch thông tin các chuyên thẩm xác minh theo Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM).

Từ khóa: Chống trợ cấp, WTO, chương trình hoàn thuế, mối quan hệ nhân quả, chuyên thẩm xác minh.

Nhận bài: 18/12/2019; Hoàn thành biên tập: 27/12/2019; Duyệt đăng: 27/02/2020.

Abstract: Vietnam has developed and gradually improved its regulations on countervailing duties in line with WTO standards and regulations. So far, we have not conducted any countervailing investigations. What Vietnam needs to do in the current context is to study countervailing lawsuits within the WTO framework to gain relevant experience. This article presents the DS486 (European Union – Countervailing measures on certain polyethylene Terephthalate from Pakistan), and draws some experiences to Vietnam regarding the countervailing investigation process in member countries, e.g. considering “excess remission” when determining whether a duty drawback scheme is a subsidy; considering “genuine and substantial” cause when analyzing the causation between subsidized imports and the injury suffered by the domestic industry, information transparency of the verification visits under the Agreement on Subsidies and Countervailing Measures (SCM).

Keywords: Countervailing, WTO, duty drawback scheme, causation, verification visit.

Date of receipt: 18/12/2019; Date of revision: 27/12/2019; Date of approval: 27/02/2020.

1. Bối cảnh vụ việc

Năm 2009, Ủy ban Châu Âu đã tiến hành một cuộc điều tra thuế đối kháng đối với việc nhập khẩu một số loại nhựa polyethylene terephthalate (PET)² từ Pakistan, Iran và các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất. Ủy ban Châu Âu (Ủy ban) đã điều tra xem liệu có trợ cấp riêng biệt cho từng quốc gia hay không, tính toán mức độ thiệt hại và phân tích sự tồn tại của bất kỳ mối quan hệ nhân quả nào.

Cụ thể, Ủy ban đã điều tra bảy chương trình khác nhau được cho là liên quan đến việc cấp trợ cấp của Chính phủ trong đó có chương trình trái phiếu sản xuất (Manufacturing bond scheme - MBS), MBS là một chương trình cho phép các công ty có giấy phép được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu đầu vào sản xuất nếu những nguyên liệu đó được tiêu thụ trong quá trình sản xuất một sản phẩm được xuất khẩu sau đó. Ủy ban cho rằng Chính phủ Pakistan đã đồng ý

¹ Giảng viên, Trường Đại học Ngoại thương.

² PET là một sản phẩm hóa học được sử dụng trong ngành công nghiệp nhựa. Đây là đầu vào chính trong sản xuất các sản phẩm tiêu dùng, phim ảnh, phim x-quang.

Vào ngày 13/11/2015, Chủ tịch Ban hội thẩm đã thông báo cho DSB rằng Ban Hội thẩm phải trì hoãn bắt đầu công việc do thiếu luật sư có kinh nghiệm trong Ban Thư ký. Vì vậy, Ban Hội thẩm dự kiến ban hành báo cáo trước cuối năm 2016. Vào ngày 10/12/2016, Chủ tịch Ban Hội thẩm đã thông báo với DSB rằng vì sự trì hoãn trong bắt đầu công việc của Ban Hội thẩm, Ban Hội thẩm dự kiến ban hành báo cáo cuối cùng cho các bên trước ngày 01/6/2017.

Vào ngày 06/7/2017, báo cáo của Ban Hội thẩm đã được ban hành và gửi cho các Thành viên. Cụ thể, trong Báo cáo của Ban Hội thẩm nêu rõ:

(i) Liên quan đến khiếu nại của Pakistan về Chương trình Trái phiếu sản xuất (MBS).

Pakistan cho rằng việc Ủy ban xác định Chương trình trái phiếu sản xuất (MBS) là một khoản trợ cấp có thể đối kháng dựa trên kết quả thực hiện xuất khẩu đã hành động không nhất quán với Điều 1.1(a)(1)(ii) của SCM vì đã xác định không chính xác sự tồn tại của đóng góp tài chính. Pakistan cũng khiếu nại rằng do đưa ra cách giải thích và áp dụng không đúng của Điều 1, Ủy ban đã vi phạm Điều 3.1(a) của SCM vì xác định không chính xác sự tồn tại của trợ cấp xuất khẩu.

Ban Hội thẩm ủng hộ lập luận của Pakistan vì Ủy ban không đưa ra được lời giải thích hợp lý và đầy đủ về lý do tại sao toàn bộ số tiền thoả thu thuế xuất khẩu vượt quá những khoản đã nộp trong phạm vi ý nghĩa của chủ thích 1 SCM và như vậy kết luận không đúng sự tồn tại của một khoản trợ cấp dựa trên kết quả thực hiện xuất khẩu.

Ban Hội thẩm kết luận rằng họ không cần phải giải quyết một số khiếu nại nhất định của Pakistan theo Phụ lục I(i), Phụ lục II(II), Phụ lục II(II)(1), Phụ lục II(II)(2), Phụ lục III(II), Phụ lục III(II)(2), Phụ lục III(II)(3), Điều 1.1(b), Điều 10, Điều 19 và Điều 32 của Hiệp định SCM và Điều VI:3 của GATT 1994.

(ii) Liên quan đến khiếu nại của Pakistan về Chương trình Hỗ trợ tài chính dài hạn cho các dự án định hướng xuất khẩu (LTF-EOP).

Pakistan cũng khiếu nại rằng Chương trình Hỗ trợ cấp có thể đối kháng dựa vào kết quả thực hiện xuất khẩu đã vi phạm Điều 14(b) của SCM vì Ủy ban đã không tính toán đúng bất kỳ lợi ích nào chênh lệch giữa số tiền mà công ty nhận khoản vay (Novatex) trả cho chính phủ và số tiền lẽ ra phải trả cho một khoản vay thương mại tương tự có thể có được khi vay vốn trên thị trường. Vì cho rằng Ủy ban phân tích và xác định không đúng sự tồn tại của lợi ích, Pakistan khẳng định Ủy ban đã hành động không nhất quán với các nghĩa vụ của mình theo Điều 1.1 (b) của SCM.

Ban Hội thẩm kết luận rằng Ủy ban đã hành động không nhất quán với Điều 14(b) của SCM khi không xác định chính xác những gì Novatex sẽ trả cho một “khoản vay thương mại tương tự” trong việc tính toán lợi ích của khoản vay LTF-EOP và điều này dẫn tới việc Ủy ban đã hành động không nhất quán với Điều 1.1(b) của SCM. Ban Hội thẩm cũng đồng tình với quan điểm của Pakistan rằng Ủy ban đã hành động không nhất quán với phần quy định chung của Điều 14 SCM, bởi vì Ủy ban đã không giải thích thỏa đáng việc áp dụng phương pháp mà cơ quan điều tra sử dụng để tính toán lợi ích (được quy định trong luật pháp quốc gia hoặc văn bản hướng dẫn thi hành) đối với trường hợp cụ thể thuộc thẩm quyền. Ban Hội thẩm cho rằng Ủy Ban đã không giải thích minh bạch và đầy đủ về cách thức họ xác định một “khoản vay thương mại tương tự”.

Ban Hội thẩm đã áp dụng nguyên tắc tinh giản tài phán đối với các khiếu nại của Pakistan bởi vì vi phạm Điều 14(b) của SCM và/hoặc phần quy định chung của Điều 14 SCM, Ủy ban đã hành động không nhất quán với các Điều 10, 19 và 32 của SCM và Điều VI của GATT 1994.

(iii) Khiếu nại của Pakistan theo Điều 15.5 của SCM.

Pakistan lập luận rằng cách tiếp cận đối với quan hệ nhân quả của Ủy ban không phù hợp với Điều 15.5 của SCM vì Ủy ban đã tìm ra sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả giữa việc nhập

khẩu các sản phẩm và thiệt hại đối với ngành công nghiệp trong nước trước khi đánh giá các yếu tố đã biết khác. Hơn nữa, Pakistan cho rằng Ủy ban đã không phân tách và phân biệt đúng các tác động của một số yếu tố đã biết khác như nhập khẩu từ Hàn Quốc, suy thoái kinh tế năm 2008, cạnh tranh từ các nhà sản xuất mà EU không hợp tác, giá dầu và từ các vấn đề khác của việc nhập khẩu các sản phẩm. Ban Hội thẩm kết luận rằng Pakistan đã không đúng khi xác định rằng việc sử dụng phương pháp “phá vỡ mối quan hệ nhân quả” của Ủy ban trong trường hợp này không phù hợp với Điều 15.5 SCM. Ban Hội thẩm cho rằng Ủy ban đã hành động không nhất quán với Điều 15.5 SCM do không thực hiện một phân tích không quy kết hợp lý liên quan đến cạnh tranh từ các nhà sản xuất mà EU không hợp tác và giá dầu; và Pakistan đã không đúng khi cho rằng phân tích không quy kết của Ủy ban đối với nhập khẩu từ Hàn Quốc và suy thoái kinh tế không phù hợp với Điều 15.5 của Hiệp định SCM.

(iv) Khiếu nại của Pakistan liên quan đến các chuyển thăm xác minh.

Pakistan tuyên bố rằng Ủy ban đã hành động không nhất quán với Điều 12.6 của SCM do không hoàn thành nghĩa vụ công bố kết quả của chuyển thăm xác minh tới nhà sản xuất xuất khẩu ở Pakistan. Ban Hội thẩm tán thành khiếu nại của Pakistan và nhận thấy rằng Ủy ban đã hành động không nhất quán với Điều 12.6 của SCM vì không cung cấp đầy đủ kết quả của chuyển thăm xác minh Novatex cho Novatex

2.3. Giai đoạn phúc thẩm

Vào ngày 30/8/2017, Liên minh Châu Âu đã thông báo cho DSB về quyết định kháng cáo lên cơ quan phúc thẩm một số vấn đề pháp lý và giải thích pháp luật trong báo cáo của Ban Hội thẩm. Vào ngày 04/9/2017, Pakistan đã thông báo cho DSB về quyết định kháng cáo chéo.

Vào ngày 27/10/2017, cơ quan phúc thẩm thông báo với DSB rằng sẽ không thể lưu hành báo cáo trong thời hạn 60 ngày, cũng không phải trong khung thời gian 90 ngày theo quy định tại Điều 17.5 của DSU. Vào ngày 07/5/2018, Chủ

tịch của cơ quan phúc thẩm đã thông báo cho Chủ tịch của DSB rằng báo cáo của cơ quan phúc thẩm trong các thủ tục tố tụng này sẽ được lưu hành không muộn hơn ngày 16 tháng 5 năm 2018.

Vào ngày 16/5/2018, báo cáo của cơ quan phúc thẩm đã được ban hành và gửi cho các Thành viên. Báo cáo của cơ quan phúc thẩm đề cập đến những vấn đề sau:

(i) Liên quan đến kháng cáo của Liên minh Châu Âu về sự hết hạn của biện pháp.

Khi kháng cáo, Liên minh Châu Âu khiếu nại rằng quyết định của Ban Hội thẩm về các khiếu nại của Pakistan trong tranh chấp này, bất chấp thời hạn sử dụng của biện pháp này, là không phù hợp với Điều 11 của DSU, như được thông báo bởi Điều 3 của DSU. Liên minh châu Âu lập luận rằng thay vào đó, Ban Hội thẩm nên đã bác bỏ toàn bộ vụ việc một khi biện pháp đã hết hiệu lực.

Cơ quan phúc thẩm giải thích rằng các ban hội thẩm có mức độ tự do hành động trong việc thực hiện các quyền xét xử vốn có của họ theo Điều 11 của DSU. Trong phạm vi đó, ban hội thẩm có quyền quyết định cách thức điều chỉnh tiếp theo đối với các biện pháp, hoặc hết hạn hoặc bãi bỏ. Việc một biện pháp đã hết hạn không phải là vấn đề đối với câu hỏi liệu một ban hội thẩm có thể giải quyết các khiếu nại liên quan đến biện pháp đó hay không. Thay vào đó, một ban hội thẩm, trong việc thực thi quyền tài phán của mình, có thẩm quyền đánh giá khách quan xem liệu “vấn đề” trước khi ban hội thẩm được thành lập, theo của Điều 7.1 và Điều 11 của DSU, đã được giải quyết đầy đủ hoặc vẫn cần phải được kiểm tra sau hết thời hạn của biện pháp.

Từ việc xem xét các lập luận của các bên trước Ban Hội thẩm và lý luận của Ban Hội thẩm, cơ quan phúc thẩm cho rằng rõ ràng vẫn còn tồn tại tranh chấp giữa các bên về “khả năng áp dụng và tuân thủ các thỏa thuận có liên quan” theo Điều 11 của DSU, liên quan đến những kết luận của Ủy ban làm cơ sở cho biện pháp này, mặc dù đã hết hạn. Do đó, đối với cơ quan phúc

thâm, Ban Hội thẩm trong tranh chấp này đã đưa ra đánh giá khách quan rằng “vấn đề” trước khi Ban Hội thẩm được thành lập vẫn cần phải xem xét vì các bên vẫn không đồng ý về “khả năng áp dụng và tuân thủ các thỏa thuận có liên quan” đối với những lập luận của Ủy ban kháng định các biện pháp đã hết hạn.

Cơ quan phúc thẩm cho rằng Liên minh Châu Âu đã không chứng minh rằng Ban Hội thẩm không tuân thủ nghĩa vụ của mình theo Điều 11 của DSU, như được thông báo bởi Điều 3 của DSU, bằng cách quyết định đưa ra những kết luận về khiếu nại của Pakistan trong tranh chấp này, bất chấp biện pháp hết thời hạn trong quá trình tố tụng. Cơ quan phúc thẩm kết luận rằng hết thời hạn của biện pháp không có nghĩa là vấn đề trước Ban Hội thẩm đã được giải quyết hoàn toàn. Do đó, cơ quan phúc thẩm đã bác bỏ yêu cầu của Liên minh Châu Âu rằng Cơ quan phúc thẩm cần phải hủy bỏ Báo cáo của Ban Hội thẩm và tuyên bố các kết luận và giải thích pháp lý trong đó gây tranh cãi và không có hiệu lực.

Theo ý kiến riêng, một thành viên của cơ quan phúc thẩm cho rằng Ban Hội thẩm không đánh giá đầy đủ liệu vấn đề trước khi Ban Hội thẩm được thành lập được giải quyết đầy đủ hay vẫn cần phải được kiểm tra sau khi biện pháp hết hạn.

(ii) Liên quan đến kháng cáo của Liên minh Châu Âu về những khoản thu phải nộp cho Chính phủ.

Về những kết luận của Ban Hội thẩm liên quan đến MBS, Liên minh Châu Âu đã kháng cáo cách giải thích của Ban Hội thẩm về Điều 1(1)(a)(1)(ii), chú thích 1 và Phụ lục I đến III của SCM rằng, trong bối cảnh của các chương trình hoàn thuế, một khoản trợ cấp chỉ tồn tại khi một sự thuyên giảm “quá mức” xảy ra miêu tả các khoản thu phải nộp cho chính phủ đã được bỏ qua.

Cơ quan phúc thẩm cho rằng việc đọc hài hòa Điều 1.1(a)(1)(ii), chú thích 1 và Phụ lục I(i), II và III của SCM và bổ sung Điều XVI của GATT 1994 xác nhận rằng, trong bối cảnh có các chương trình hoàn thuế, yếu tố đóng góp tài

chính của trợ cấp (như là khoản thu nhập chính phù phải trả) bị giới hạn ở mức miễn giảm vượt quá hoặc hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu đầu vào và không bao gồm toàn bộ số tiền miễn giảm hoặc hoàn thuế nhập khẩu.

Theo đó, cơ quan phúc thẩm kết luận rằng Liên minh Châu Âu đã không chứng minh được rằng Ban Hội thẩm đã sai trong việc giải thích Điều 1.1(a)(1)(ii), chú thích 1 và Phụ lục I(i), II và III của SCM và bổ sung Điều XVI của GATT 1994.

Cơ quan phúc thẩm lưu ý rằng Liên minh châu Âu đã không phân đối đánh giá của Ban Hội thẩm về các kết luận của Ủy ban về MBS, trừ khiếu nại của Liên minh Châu Âu rằng Ban Hội thẩm đã áp dụng tiêu chuẩn pháp lý sai cho các tình tiết của vụ kiện này. Theo đó, cơ quan phúc thẩm nhận thấy rằng Liên minh Châu Âu đã không chứng minh rằng Ban Hội thẩm đã sai trong việc áp dụng Điều 1.1(a)(1)(ii) và chú thích 1 của SCM đối với các tình tiết của vụ kiện này. Do đó, Cơ quan Phúc thẩm tán thành kết luận của Ban Hội thẩm rằng Ủy ban đã hành động không nhất quán với Điều 1.1(a)(1)(ii) của SCM do không đưa ra lời giải thích hợp lý và đầy đủ về lý do tại sao toàn bộ số tiền thoái thu thuế bị “vượt quá các khoản đã nộp” theo chú thích 1 của SCM. Cơ quan phúc thẩm cũng tán thành kết luận của Ban Hội thẩm rằng Ủy ban đã hành động không nhất quán với Điều 3.1(a) của SCM do kết luận không đúng sự tồn tại của một “khoản trợ cấp” dựa trên kết quả thực hiện xuất khẩu.

(iii) Liên quan đến kháng cáo của Pakistan về phân tích quan hệ nhân quả của Ủy ban Châu Âu.

Pakistan đã không chấp nhận việc Ban Hội thẩm bác bỏ khiếu nại của Pakistan rằng việc sử dụng cách tiếp cận “phá vỡ mối quan hệ kết nhân quả” của Ủy ban trong trường hợp này là không phù hợp với Điều 15.5 của Hiệp định SCM.

Cơ quan phúc thẩm thấy rằng mục tiêu chính của việc phân tích mối quan hệ nguyên nhân theo Điều 15.5 của SCM là để cơ quan điều tra xác định liệu có một “mối quan hệ nguyên nhân và ảnh hưởng chính xác, đáng tin cậy nào” giữa

nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước. Một sự thể hiện của mối quan hệ nhân quả “chính xác và đáng tin cậy” như vậy đòi hỏi phải có: (i) việc kiểm tra sự tồn tại và mức độ của mối quan hệ giữa nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước thông qua đánh giá về “các ảnh hưởng” của nhập khẩu được trợ cấp; và (ii) phân tích không quy kết về các ảnh hưởng gây tổn thương của các yếu tố đã biết khác. Do đó, cơ quan phúc thẩm cho rằng theo Điều 15.5 cơ quan điều tra cần xác định xem, do tác động gây tổn hại của các yếu tố đã biết khác, nhập khẩu được trợ cấp có thể được coi là nguyên nhân “chính xác và đáng tin cậy” gây ra thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước hay không.

Xem xét những kết luận có liên quan của Ban Hội thẩm, cơ quan phúc thẩm nhận thấy rằng Ban Hội thẩm đã kết luận chính xác rằng Ủy ban đã tuyên bố rằng tồn tại một mối quan hệ nhân quả giữa nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại trước khi chuyển sang phân tích không quy kết, như vậy việc xem xét một “mối quan hệ nhân quả” đã không phải là một kết luận cuối cùng và nó không nhất thiết làm ảnh hưởng đến đánh giá của Ủy ban về tác động của các yếu tố đã biết khác.

Cơ quan phúc thẩm đã cân nhắc rằng việc đọc kỹ các kết luận của Ủy ban cho thấy rằng, mặc dù việc sử dụng một cách đáng tiếc thuật ngữ “phá vỡ mối quan hệ nhân quả” của họ, nhưng trên thực tế, Ủy ban đã kiểm tra xem việc nhập khẩu được trợ cấp có thể được coi là nguyên nhân “chính xác và đáng tin cậy” gây ra thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước, trong khi không quy kết các thương tích do các yếu tố đã biết khác đối với hàng nhập khẩu được trợ cấp, theo cách phù hợp với yêu cầu của điều khoản đó. Theo đó, cơ quan phúc thẩm tán thành kết luận của Ban Hội thẩm rằng Pakistan đã không thể xác định rằng cách tiếp cận của Ủy ban trong việc kiểm tra mối quan hệ nhân quả trong trường hợp này, bao gồm phân tích không quy kết, không phù hợp với Điều 15.5 của SCM.

Tại cuộc họp vào ngày 28/5/2018, DSB đã thông qua báo cáo của cơ quan phúc thẩm và báo

cáo đã được sửa đổi của Ban Hội thẩm.

3. Kinh nghiệm đối với Việt Nam khi điều tra chống trợ cấp

3.1. Cần xem xét “thoái thu vượt mức” khi xác định một chương trình hoàn thuế có là trợ cấp hay không

Ủy ban đã xác định chương trình MBS của Pakistan là một khoản trợ cấp vì số tiền thuế xuất khẩu và các thuế khác mà chính phủ trả lại cho các nhà xuất khẩu Pakistan đối với các nguyên liệu nhập khẩu được sử dụng làm nguyên liệu đầu sản xuất các sản phẩm xuất khẩu vượt quá số tiền phải trả khi nhập khẩu vào Pakistan. Tình trạng này xảy ra do một số khiếm khuyết của hệ thống giám sát của chính phủ đối với mức tiêu thụ đầu vào và sự ước lượng quá cao mức nguyên liệu đầu vào được tiêu thụ của các nhà sản xuất. Liên minh Châu Âu còn lập luận rằng toàn bộ số tiền phải được coi là đóng góp tài chính vì theo hệ thống giám sát hiện có, không thể xác định số tiền của việc ước lượng quá cao như vậy.

Cơ quan phúc thẩm tán thành những kết luận của Ban Hội thẩm rằng Ủy ban đã vi phạm Điều 1.1(a)(1)(ii) của SCM vì không đưa ra lý do tại sao toàn bộ số tiền thuế chưa thanh toán được coi là đóng góp tài chính theo chương trình MBS và không xác nhận rằng số tiền này vượt quá khoản tiền tính thuế. Hơn nữa, Ủy ban Châu Âu đã vi phạm Điều 3.1(a) của SCM vì sự tồn tại của một khoản trợ cấp xuất khẩu được xác định dựa trên một phân tích sai về đóng góp tài chính.

Ngoài ra, cơ quan phúc thẩm đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xác định thoái thu vượt mức khi tiến hành phân tích trợ cấp dưới hình thức chương trình hoàn thuế ngay cả khi nước xuất khẩu không có hệ thống giám sát hiệu quả đối với nguyên liệu tiêu thụ đầu vào trong sản xuất các sản phẩm cuối cùng dành cho xuất khẩu.

Như vậy, khi muốn xác định một chương trình hoàn thuế có là trợ cấp hay không, cơ quan điều tra của Việt Nam sẽ cần phải xem xét một cách thận trọng có thoái thu vượt mức hay không trên cơ sở quy định của Điều 1.1(a)(1)(ii), chú thích I và Phụ lục I(i), II và III của SCM và bổ sung Điều XVI của GATT 1994.

3.2. Xem xét nguyên nhân “xác thật và đáng kể” khi phân tích mối quan hệ nhân quả giữa nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước

Điều 15 của SCM quy định cách tiếp cận chung về tính toán thiệt hại trong các cuộc điều tra chống trợ cấp và tiếp theo, quy định việc xác định mối quan hệ nhân quả. Theo Điều 15.5 của SCM, cơ quan điều tra sẽ xem xét mọi bằng chứng liên quan để xác định mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước. Cơ quan điều tra sẽ xem xét các yếu tố nào đã biết đến ngoài việc nhập khẩu được trợ cấp gây thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước và những thiệt hại do các yếu tố đó gây ra sẽ không được coi là do việc nhập khẩu được trợ cấp.

Pakistan lập luận rằng khi phân tích mối quan hệ nhân quả, Ủy ban đã tìm ra sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả giữa việc nhập khẩu các sản phẩm và thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước trước khi đánh giá các yếu tố đã biết khác; như vậy, không phù hợp với Điều 15.5 của SCM.

Cơ quan phúc thẩm nhấn mạnh rằng Điều 15.5 của SCM không quy định bất kỳ phương pháp cụ thể nào mà cơ quan điều tra phải sử dụng để thực hiện phân tích mối quan hệ nhân quả. Ủy ban trước tiên đã xác định (1) liệu có mối liên hệ nhân quả nào giữa hàng nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước hay không và sau đó (2) phân tích tất cả các yếu tố khác. Cơ quan phúc thẩm đã đồng ý với Ban Hội thẩm rằng cách phân tích ban đầu về mối liên hệ giữa hàng nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước không phải là quyết định cuối cùng để ngăn cản Liên minh Châu Âu xem xét tất cả các yếu tố khác và như vậy, cách tiếp cận phá vỡ quan hệ nhân quả của Liên minh Châu Âu là không vi phạm các quy định của Điều 15.5 của SCM.

Như vậy, khi tiến hành phân tích mối quan hệ nhân quả, cơ quan điều tra của Việt Nam có thể áp dụng phương pháp mình cho là cần thiết nhưng phải đảm bảo mục tiêu chính theo Điều 15.5 SCM đó là xác định xem, do tác động gây tổn hại của các yếu tố đã biết khác, nhập khẩu

được trợ cấp có thể được coi là nguyên nhân “xác thật và đáng kể” gây ra thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước hay không.

3.3. Minh bạch thông tin các chuyên thẩm xác minh

Ban Hội thẩm đồng ý với những lập luận của Pakistan cho rằng Liên minh Châu Âu đã hành động không nhất quán với Điều 12.6 của SCM do không đáp ứng các nghĩa vụ minh bạch của mình. Việc cung cấp kết quả chuyên thẩm xác minh của Liên minh Châu Âu đã không được coi là cung cấp đầy đủ kết quả xác minh. Ngoài ra, Ban Hội thẩm cho rằng EU không cung cấp đầy đủ các kết quả của chuyên thẩm xác minh tới Novatex cũng là vi phạm Điều 12.6 của SCM.

Như vậy, cơ quan điều tra của Việt Nam khi tiến hành thẩm tra tại chỗ cần phải lưu ý về nghĩa vụ công bố đầy đủ kết quả của chuyên thẩm xác minh tới các nhà sản xuất có liên quan phù hợp với quy định tại Điều 12.6 của SCM.

Trên đây là nội dung vụ kiện chống trợ cấp DS 486 trong khuôn khổ WTO giữa nguyên đơn Pakistan và bị đơn Liên minh châu Âu và kinh nghiệm liên quan tới quá trình điều tra chống trợ cấp tại quốc gia thành viên. Hy vọng rằng, việc nghiên cứu nhiều hơn các vụ kiện chống trợ cấp trong khuôn khổ WTO sẽ mang lại cho Việt Nam những kinh nghiệm hữu ích và động lực để tiến hành điều tra chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam trong thời gian tới. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định thực thi của Hội đồng (EU) số 857/2010 ngày 27/9/2010 áp thuế đối kháng cuối cùng và thu thuế tạm thời đối với một số loại terephthalate nhập khẩu có nguồn gốc từ Iran, Pakistan và Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, xem tại: <http://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=OJ:L:2010:254:0010:0028:EN:PDF>

2. Các tài liệu liên quan vụ kiện DS486 do WTO cung cấp, xem tại: [https://docs.wto.org/doc/12fe/Pages/FE_Search/FE_S_S006.aspx?Query=\(%20Symbol=%20wt/ds486/*\)&Language=ENGLISH&Context=FomerScriptedSearch&languageUITchanged=true#](https://docs.wto.org/doc/12fe/Pages/FE_Search/FE_S_S006.aspx?Query=(%20Symbol=%20wt/ds486/*)&Language=ENGLISH&Context=FomerScriptedSearch&languageUITchanged=true#)